UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /TB-STNMT

Bình Định, ngày 18 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc hủy phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị hư hỏng trong quá trình quản lý và sử dụng

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Công văn số 888/TCQLĐĐ-CĐKTK ngày 01/8/2011 của Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v hủy phôi giấy chứng nhận trong quá trình quản lý và in, viết Giấy chứng nhận.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định (số 08 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) Hội đồng hủy phôi Giấy chứng nhận hư hỏng trên địa bàn tỉnh Bình Định (được thành lập theo Quyết định số 418/QĐ-STNMT ngày 25/7/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định v/v thành lập Hội đồng hủy phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hư hỏng trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 565/QĐ-STNMT ngày 10/8/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định v/v điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng hủy phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hư hỏng trên địa bàn tỉnh Bình Định) đã thực hiện hủy **1.519** phôi Giấy chứng nhận hư hỏng bằng hình thức cắt ngang và đốt. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định đã đăng tải danh sách **1.519** phôi Giấy chứng nhận hư hỏng đã tiêu hủy nêu trên trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (http://stnmt.binhdinh.gov.vn).

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương truy cập vào trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ http://stnmt.binhdinh.gov.vn để biết, tra cứu và phối hợp thực hiện.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai (b/c);
- UBND tỉnh Bình Định (b/c);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- Giám đốc, các PGĐ Sở (b/c);
- Chi cục QLĐĐ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng TN&MT, các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức hành nghề Công chứng trên địa bàn tỉnh;
- Chi nhánh VPĐK các huyện, thị xã, thành phố;
- VPĐK (đăng website);
- Lưu: VT, VPĐK, HN.(121)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Trần Kỳ Quang

Số: 05/TB-STNMT
Thời gian ký: 18/01/2024 15:32:20 +07:00

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
1	**DĐ 577658**	31	DĐ 609599	61	DĐ 617411	91	DĐ 656340	121	DĐ 677018
2	DĐ 607128	32	DĐ 609661	62	DĐ 617553	92	DĐ 656352	122	DĐ 677036
3	DĐ 607129	33	DĐ 609662	63	DĐ 617798	93	DĐ 656360	123	DĐ 677072
4	DĐ 607596	34	DĐ 609671	64	DĐ 617894	94	DĐ 656376	124	DĐ 677120
5	DĐ 607597	35	DĐ 609672	65	DĐ 656015	95	DĐ 656391	125	DĐ 677140
6	DĐ 607776	36	DĐ 609681	66	DĐ 656027	96	DĐ 656454	126	DĐ 677141
7	DĐ 607898	37	DĐ 609682	67	DĐ 656040	97	DĐ 656512	127	DĐ 677147
8	DĐ 609008	38	DĐ 609701	68	DĐ 656041	98	DĐ 656537	128	DĐ 677180
9	DĐ 609023	39	DĐ 609709	69	DĐ 656053	99	DĐ 656539	129	DĐ 677214
10	DĐ 609040	40	DĐ 609713	70	DĐ 656065	100	DĐ 656547	130	DĐ 677241
11	DĐ 609046	41	DĐ 609724	71	DĐ 656104	101	DĐ 656553	131	DĐ 677276
12	DĐ 609050	42	DĐ 609732	72	DĐ 656129	102	DĐ 656564	132	DĐ 677277
13	DĐ 609098	43	DĐ 609736	73	DĐ 656130	103	DĐ 656578	133	DĐ 677454
14	DĐ 609099	44	DĐ 609765	74	DĐ 656160	104	DĐ 656587	134	DĐ 677462
15	DĐ 609115	45	DĐ 609877	75	DĐ 656161	105	DĐ 656599	135	DĐ 677527
16	DĐ 609181	46	DĐ 609880	76	DĐ 656165	106	DĐ 656626	136	DĐ 677530
17	DĐ 609228	47	DĐ 609919	77	DĐ 656167	107	DĐ 656668	137	DĐ 677537
18	DĐ 609249	48	DĐ 609954	78	DĐ 656177	108	DĐ 656721	138	DĐ 677550
19	DĐ 609299	49	DĐ 609968	79	DĐ 656197	109	DĐ 656751	139	DĐ 677600
20	DĐ 609308	50	DĐ 609977	80	DĐ 656219	110	DĐ 656790	140	DĐ 677640
21	DĐ 609314	51	DĐ 609984	81	DĐ 656234	111	DĐ 656791	141	DĐ 677656
22	DĐ 609342	52	DĐ 609985	82	DĐ 656262	112	DĐ 656894	142	DĐ 677657
23	DĐ 609401	53	DĐ 609986	83	DĐ 656281	113	DĐ 656916	143	DĐ 677658
24	DĐ 609423	54	DĐ 609990	84	DĐ 656283	114	DĐ 656938	144	DĐ 677659
25	DĐ 609424	55	DĐ 617064	85	DĐ 656284	115	DĐ 656953	145	DĐ 677660
26	DĐ 609442	56	DĐ 617082	86	DĐ 656285	116	DĐ 656965	146	DĐ 677692
27	DĐ 609455	57	DĐ 617083	87	DĐ 656309	117	DĐ 656998	147	DĐ 677699
28	DĐ 609519	58	DĐ 617084	88	DĐ 656319	118	DĐ 657000	148	DĐ 677763
29	DĐ 609568	59	DĐ 617343	89	DĐ 656337	119	DĐ 677002	149	DĐ 677777
30	DĐ 609598	60	DĐ 617375	90	DĐ 656338	120	DĐ 677017	150	DĐ 677793

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
151	DĐ 677918	181	DĐ 689361	211	DĐ 689853	241	DĐ 697549	271	DĐ 801516
152	DĐ 677925	182	DĐ 689364	212	DĐ 689878	242	DĐ 697640	272	DĐ 801517
153	DĐ 677931	183	DĐ 689385	213	DĐ 697026	243	DĐ 697682	273	DĐ 801518
154	DĐ 677952	184	DĐ 689432	214	DĐ 697027	244	DĐ 697691	274	DĐ 801519
155	DĐ 677965	185	DĐ 689445	215	DĐ 697056	245	DĐ 697694	275	DĐ 801524
156	DĐ 677983	186	DĐ 689505	216	DĐ 697101	246	DĐ 697699	276	DĐ 801529
157	DĐ 677984	187	DĐ 689510	217	DĐ 697103	247	DĐ 697738	277	DĐ 801532
158	DĐ 677985	188	DĐ 689541	218	DĐ 697111	248	DĐ 697744	278	DĐ 801542
159	DĐ 677986	189	DĐ 689559	219	DĐ 697132	249	DĐ 697781	279	DĐ 801543
160	DĐ 689030	190	DĐ 689624	220	DĐ 697133	250	DĐ 697798	280	DĐ 801596
161	DĐ 689033	191	DĐ 689632	221	DĐ 697135	251	DĐ 697799	281	DĐ 801597
162	DĐ 689046	192	DĐ 689652	222	DĐ 697160	252	DĐ 697800	282	DĐ 801598
163	DĐ 689072	193	DĐ 689672	223	DĐ 697190	253	DĐ 697830	283	DĐ 801611
164	DĐ 689073	194	DĐ 689691	224	DĐ 697203	254	DĐ 697835	284	DĐ 801699
165	DĐ 689087	195	DĐ 689692	225	DĐ 697255	255	DĐ 697868	285	DĐ 801711
166	DĐ 689111	196	DĐ 689697	226	DĐ 697260	256	DĐ 697961	286	DĐ 801729
167	DĐ 689129	197	DĐ 689700	227	DĐ 697271	257	DĐ 697977	287	DĐ 801733
168	DĐ 689135	198	DĐ 689703	228	DĐ 697297	258	DĐ 697979	288	DĐ 801735
169	DĐ 689161	199	DĐ 689720	229	DĐ 697351	259	DĐ 697986	289	DĐ 801868
170	DĐ 689162	200	DĐ 689766	230	DĐ 697381	260	DĐ 697988	290	DĐ 801906
171	DĐ 689192	201	DĐ 689772	231	DĐ 697382	261	DĐ 801167	291	DĐ 801923
172	DĐ 689210	202	DĐ 689773	232	DĐ 697406	262	DĐ 801170	292	DĐ 801924
173	DĐ 689211	203	DĐ 689776	233	DĐ 697408	263	DĐ 801171	293	DĐ 801928
174	DĐ 689250	204	DĐ 689777	234	DĐ 697426	264	DĐ 801222	294	DĐ 801930
175	DĐ 689251	205	DĐ 689779	235	DĐ 697432	265	DĐ 801234	295	DĐ 801932
176	DĐ 689309	206	DĐ 689781	236	DĐ 697482	266	DĐ 801243	296	DĐ 801944
177	DĐ 689313	207	DĐ 689793	237	DĐ 697491	267	DĐ 801280	297	DĐ 801948
178	DĐ 689352	208	DĐ 689794	238	DĐ 697527	268	DĐ 801281	298	DĐ 801968
179	DĐ 689354	209	DĐ 689838	239	DĐ 697544	269	DĐ 801292	299	DĐ 801971
180	DĐ 689360	210	DĐ 689848	240	DĐ 697545	270	DĐ 801430	300	DĐ 801975

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
301	DĐ 944034	331	DĐ 944642	361	DĐ 946622	391	DĐ 976509	421	DĐ 981577
302	DĐ 944036	332	DĐ 944648	362	DĐ 946623	392	DĐ 976510	422	DĐ 981583
303	DĐ 944039	333	DĐ 944653	363	DĐ 946637	393	DĐ 976594	423	DĐ 981584
304	DĐ 944043	334	DĐ 944710	364	DĐ 946669	394	DĐ 976675	424	DĐ 981591
305	DĐ 944054	335	DĐ 944727	365	DĐ 946724	395	DĐ 976697	425	DĐ 981645
306	DĐ 944064	336	DĐ 944758	366	DĐ 946789	396	DĐ 976731	426	DĐ 981671
307	DĐ 944065	337	DĐ 944759	367	DĐ 946790	397	DĐ 976851	427	DĐ 981717
308	DĐ 944112	338	DĐ 944760	368	DĐ 946820	398	DĐ 976885	428	DĐ 981719
309	DĐ 944182	339	DĐ 944772	369	DĐ 946868	399	DĐ 981135	429	DĐ 981768
310	DĐ 944242	340	DĐ 944782	370	DĐ 946877	400	DĐ 981158	430	DĐ 981782
311	DĐ 944342	341	DĐ 944800	371	DĐ 946878	401	DĐ 981162	431	DĐ 981796
312	DĐ 944345	342	DĐ 944865	372	DĐ 946911	402	DĐ 981164	432	DĐ 981802
313	DĐ 944346	343	DĐ 944920	373	DĐ 946912	403	DĐ 981176	433	DĐ 981825
314	DĐ 944378	344	DĐ 944921	374	DĐ 946913	404	DĐ 981177	434	DĐ 981901
315	DĐ 944380	345	DĐ 944930	375	DĐ 946914	405	DĐ 981195	435	DE 198203
316	DĐ 944386	346	DĐ 944958	376	DĐ 946934	406	DĐ 981234	436	DE 198216
317	DĐ 944396	347	DĐ 944967	377	DĐ 946935	407	DĐ 981313	437	**DĐ 549382**
318	DĐ 944407	348	DĐ 944971	378	DĐ 946936	408	DĐ 981314	438	DĐ 549407
319	DĐ 944432	349	DĐ 946031	379	DĐ 946995	409	DĐ 981338	439	DĐ 549477
320	DĐ 944443	350	DĐ 946032	380	DĐ 976001	410	DĐ 981339	440	DĐ 549529
321	DĐ 944446	351	DĐ 946033	381	DĐ 976002	411	DĐ 981342	441	DĐ 549605
322	DĐ 944474	352	DĐ 946034	382	DĐ 976010	412	DĐ 981354	442	DĐ 549631
323	DĐ 944475	353	DĐ 946350	383	DĐ 976033	413	DĐ 981454	443	DĐ 549645
324	DĐ 944476	354	DĐ 946352	384	DĐ 976066	414	DĐ 981476	444	DĐ 549767
325	DĐ 944480	355	DĐ 946353	385	DĐ 976069	415	DĐ 981528	445	DĐ 549770
326	DĐ 944500	356	DĐ 946392	386	DĐ 976082	416	DĐ 981536	446	DĐ 549789
327	DĐ 944542	357	DĐ 946393	387	DĐ 976140	417	DĐ 981541	447	DĐ 549811
328	DĐ 944560	358	DĐ 946394	388	DĐ 976150	418	DĐ 981546	448	DĐ 549818
329	DĐ 944603	359	DĐ 946395	389	DĐ 976205	419	DĐ 981553	449	DĐ 549822
330	DĐ 944638	360	DĐ 946579	390	DĐ 976508	420	DĐ 981576	450	DĐ 549829

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
451	DĐ 549840	481	DĐ 727099	511	DĐ 727247	541	DĐ 727424	571	DĐ 727553
452	DĐ 549849	482	DĐ 727105	512	DĐ 727248	542	DĐ 727428	572	DĐ 727554
453	DĐ 549864	483	DĐ 727106	513	DĐ 727249	543	DĐ 727435	573	DĐ 727561
454	DĐ 549866	484	DĐ 727109	514	DĐ 727250	544	DĐ 727436	574	DĐ 727564
455	DĐ 549875	485	DĐ 727124	515	DĐ 727252	545	DĐ 727441	575	DĐ 727565
456	DĐ 549906	486	DĐ 727126	516	DĐ 727265	546	DĐ 727445	576	DĐ 727566
457	DĐ 549910	487	DĐ 727133	517	DĐ 727278	547	DĐ 727455	577	DĐ 727567
458	DĐ 549922	488	DĐ 727140	518	DĐ 727296	548	DĐ 727460	578	DĐ 727568
459	DĐ 549961	489	DĐ 727143	519	DĐ 727298	549	DĐ 727467	579	DĐ 727573
460	DĐ 549971	490	DĐ 727152	520	DĐ 727299	550	DĐ 727479	580	DĐ 727576
461	DĐ 549983	491	DĐ 727160	521	DĐ 727306	551	DĐ 727488	581	DĐ 727578
462	DĐ 549997	492	DĐ 727161	522	DĐ 727316	552	DĐ 727501	582	DĐ 727579
463	DĐ 549998	493	DĐ 727164	523	DĐ 727320	553	DĐ 727502	583	DĐ 727581
464	DĐ 550000	494	DĐ 727165	524	DĐ 727321	554	DĐ 727503	584	DĐ 727588
465	DĐ 727014	495	DĐ 727166	525	DĐ 727329	555	DĐ 727508	585	DĐ 727596
466	DĐ 727016	496	DĐ 727168	526	DĐ 727330	556	DĐ 727509	586	DĐ 727601
467	DĐ 727030	497	DĐ 727189	527	DĐ 727333	557	DĐ 727510	587	DĐ 727603
468	DĐ 727034	498	DĐ 727191	528	DĐ 727334	558	DĐ 727511	588	DĐ 727613
469	DĐ 727038	499	DĐ 727194	529	DĐ 727346	559	DĐ 727514	589	DĐ 727622
470	DĐ 727040	500	DĐ 727196	530	DĐ 727366	560	DĐ 727520	590	DĐ 727625
471	DĐ 727047	501	DĐ 727209	531	DĐ 727378	561	DĐ 727521	591	DĐ 727629
472	DĐ 727055	502	DĐ 727211	532	DĐ 727386	562	DĐ 727525	592	DĐ 727633
473	DĐ 727056	503	DĐ 727218	533	DĐ 727387	563	DĐ 727526	593	DĐ 727636
474	DĐ 727065	504	DĐ 727227	534	DĐ 727388	564	DĐ 727533	594	DĐ 727641
475	DĐ 727074	505	DĐ 727229	535	DĐ 727389	565	DĐ 727534	595	DĐ 727662
476	DĐ 727075	506	DĐ 727239	536	DĐ 727390	566	DĐ 727535	596	DĐ 727664
477	DĐ 727085	507	DĐ 727240	537	DĐ 727391	567	DĐ 727536	597	DĐ 727665
478	DĐ 727088	508	DĐ 727241	538	DĐ 727392	568	DĐ 727537	598	DĐ 727675
479	DĐ 727091	509	DĐ 727245	539	DĐ 727396	569	DĐ 727538	599	DĐ 727679
480	DĐ 727098	510	DĐ 727246	540	DĐ 727405	570	DĐ 727551	600	DĐ 727680

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
601	DĐ 727682	631	DĐ 727918	661	DĐ 975301	691	DĐ 975595	721	DĐ 975780
602	DĐ 727687	632	DĐ 727953	662	DĐ 975303	692	DĐ 975618	722	DĐ 975788
603	DĐ 727692	633	DĐ 727954	663	DĐ 975308	693	DĐ 975619	723	DĐ 975821
604	DĐ 727708	634	DĐ 727956	664	DĐ 975311	694	DĐ 975623	724	DĐ 975822
605	DĐ 727716	635	DĐ 727962	665	DĐ 975323	695	DĐ 975632	725	DĐ 975824
606	DĐ 727721	636	DĐ 727965	666	DĐ 975324	696	DĐ 975633	726	DĐ 975825
607	DĐ 727727	637	DĐ 727967	667	DĐ 975326	697	DĐ 975638	727	DĐ 975835
608	DĐ 727743	638	DĐ 727969	668	DĐ 975328	698	DĐ 975640	728	DĐ 975841
609	DĐ 727747	639	DĐ 727986	669	DĐ 975351	699	DĐ 975656	729	DĐ 975847
610	DĐ 727773	640	DĐ 727987	670	DĐ 975353	700	DĐ 975669	730	DĐ 975850
611	DĐ 727776	641	DĐ 727994	671	DĐ 975365	701	DĐ 975670	731	DĐ 975854
612	DĐ 727777	642	DĐ 975201	672	DĐ 975378	702	DĐ 975688	732	DĐ 975856
613	DĐ 727794	643	DĐ 975202	673	DĐ 975380	703	DĐ 975689	733	DĐ 975858
614	DĐ 727798	644	DĐ 975203	674	DĐ 975407	704	DĐ 975694	734	DĐ 975859
615	DĐ 727799	645	DĐ 975204	675	DĐ 975417	705	DĐ 975701	735	DĐ 975863
616	DĐ 727803	646	DĐ 975205	676	DĐ 975427	706	DĐ 975703	736	DĐ 975871
617	DĐ 727808	647	DĐ 975206	677	DĐ 975450	707	DĐ 975704	737	DĐ 975872
618	DĐ 727823	648	DĐ 975207	678	DĐ 975451	708	DĐ 975705	738	DĐ 975886
619	DĐ 727839	649	DĐ 975209	679	DĐ 975491	709	DĐ 975724	739	DĐ 975889
620	DĐ 727840	650	DĐ 975211	680	DĐ 975499	710	DĐ 975735	740	DĐ 975901
621	DĐ 727855	651	DĐ 975224	681	DĐ 975501	711	DĐ 975741	741	DĐ 975910
622	DĐ 727857	652	DĐ 975235	682	DĐ 975502	712	DĐ 975748	742	DĐ 975918
623	DĐ 727870	653	DĐ 975257	683	DĐ 975507	713	DĐ 975751	743	DĐ 975924
624	DĐ 727882	654	DĐ 975269	684	DĐ 975516	714	DĐ 975760	744	DĐ 975957
625	DĐ 727892	655	DĐ 975274	685	DĐ 975517	715	DĐ 975766	745	DĐ 975963
626	DĐ 727895	656	DĐ 975291	686	DĐ 975571	716	DĐ 975768	746	DĐ 975983
627	DĐ 727906	657	DĐ 975294	687	DĐ 975577	717	DĐ 975769	747	DĐ 975995
628	DĐ 727907	658	DĐ 975295	688	DĐ 975580	718	DĐ 975770	748	**DĐ 962002**
629	DĐ 727908	659	DĐ 975297	689	DĐ 975591	719	DĐ 975774	749	DĐ 962004
630	DĐ 727909	660	DĐ 975298	690	DĐ 975594	720	DĐ 975775	750	DĐ 962005

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
751	DĐ 962010	781	DĐ 962160	811	DĐ 962693	841	DĐ 640630	871	DĐ 640978
752	DĐ 962032	782	DĐ 962161	812	DĐ 962708	842	DĐ 640641	872	DĐ 640983
753	DĐ 962035	783	DĐ 962166	813	DĐ 962714	843	DĐ 640642	873	DĐ 640984
754	DĐ 962038	784	DĐ 962170	814	DĐ 962717	844	DĐ 640656	874	DĐ 640986
755	DĐ 962040	785	DĐ 962172	815	**DĐ 640303**	845	DĐ 640662	875	DĐ 640992
756	DĐ 962042	786	DĐ 962175	816	DĐ 640319	846	DĐ 640670	876	**DĐ 633110**
757	DĐ 962045	787	DĐ 962181	817	DĐ 640342	847	DĐ 640672	877	DĐ 633158
758	DĐ 962050	788	DĐ 962211	818	DĐ 640356	848	DĐ 640673	878	DĐ 633628
759	DĐ 962053	789	DĐ 962212	819	DĐ 640363	849	DĐ 640674	879	DĐ 633677
760	DĐ 962102	790	DĐ 962221	820	DĐ 640395	850	DĐ 640676	880	DĐ 633698
761	DĐ 962104	791	DĐ 962224	821	DĐ 640404	851	DĐ 640720	881	DĐ 633742
762	DĐ 962105	792	DĐ 962258	822	DĐ 640411	852	DĐ 640739	882	DĐ 633756
763	DĐ 962108	793	DĐ 962270	823	DĐ 640414	853	DĐ 640743	883	DĐ 633758
764	DĐ 962111	794	DĐ 962300	824	DĐ 640416	854	DĐ 640747	884	DĐ 633766
765	DĐ 962114	795	DĐ 962501	825	DĐ 640419	855	DĐ 640752	885	DĐ 633770
766	DĐ 962115	796	DĐ 962502	826	DĐ 640422	856	DĐ 640763	886	DĐ 633775
767	DĐ 962116	797	DĐ 962509	827	DĐ 640429	857	DĐ 640766	887	DĐ 633787
768	DĐ 962119	798	DĐ 962514	828	DĐ 640431	858	DĐ 640769	888	DĐ 633790
769	DĐ 962128	799	DĐ 962537	829	DĐ 640447	859	DĐ 640774	889	DĐ 633793
770	DĐ 962129	800	DĐ 962627	830	DĐ 640453	860	DĐ 640781	890	DĐ 633829
771	DĐ 962134	801	DĐ 962640	831	DĐ 640457	861	DĐ 640783	891	DĐ 641065
772	DĐ 962135	802	DĐ 962641	832	DĐ 640471	862	DĐ 640784	892	DĐ 641066
773	DĐ 962138	803	DĐ 962654	833	DĐ 640475	863	DĐ 640786	893	DĐ 641095
774	DĐ 962140	804	DĐ 962658	834	DĐ 640484	864	DĐ 640787	894	DĐ 641213
775	DĐ 962141	805	DĐ 962669	835	DĐ 640519	865	DĐ 640794	895	DĐ 641325
776	DĐ 962143	806	DĐ 962678	836	DĐ 640521	866	DĐ 640960	896	DĐ 641327
777	DĐ 962144	807	DĐ 962679	837	DĐ 640527	867	DĐ 640962	897	DĐ 641328
778	DĐ 962145	808	DĐ 962682	838	DĐ 640536	868	DĐ 640970	898	DĐ 641329
779	DĐ 962146	809	DĐ 962685	839	DĐ 640546	869	DĐ 640974	899	DĐ 641330
780	DĐ 962159	810	DĐ 962689	840	DĐ 640625	870	DĐ 640977	900	DĐ 641331

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
901	DĐ 641358	931	DĐ 641795	961	DĐ 800210	991	DĐ 800957	1021	DĐ 970432
902	DĐ 641361	932	DĐ 641829	962	DĐ 800217	992	DĐ 970018	1022	DĐ 970489
903	DĐ 641370	933	DĐ 641843	963	DĐ 800283	993	DĐ 970019	1023	DĐ 970492
904	DĐ 641389	934	DĐ 641869	964	DĐ 800296	994	DĐ 970022	1024	DĐ 970493
905	DĐ 641399	935	DĐ 641871	965	DĐ 800299	995	DĐ 970029	1025	DĐ 970498
906	DĐ 641412	936	DĐ 641883	966	DĐ 800303	996	DĐ 970030	1026	DĐ 970500
907	DĐ 641425	937	DĐ 641888	967	DĐ 800304	997	DĐ 970031	1027	DĐ 970506
908	DĐ 641465	938	DĐ 641912	968	DĐ 800305	998	DĐ 970032	1028	DĐ 970561
909	DĐ 641466	939	DĐ 641913	969	DĐ 800337	999	DĐ 970035	1029	DĐ 970577
910	DĐ 641467	940	DĐ 641914	970	DĐ 800404	1000	DĐ 970050	1030	DĐ 970666
911	DĐ 641471	941	DĐ 641915	971	DĐ 800412	1001	DĐ 970072	1031	DĐ 970731
912	DĐ 641508	942	DĐ 641919	972	DĐ 800546	1002	DĐ 970080	1032	DĐ 970732
913	DĐ 641509	943	DĐ 641963	973	DĐ 800555	1003	DĐ 970153	1033	DĐ 970765
914	DĐ 641512	944	DĐ 641965	974	DĐ 800557	1004	DĐ 970166	1034	DĐ 970798
915	DĐ 641542	945	DĐ 641966	975	DĐ 800558	1005	DĐ 970188	1035	DĐ 970815
916	DĐ 641576	946	DĐ 641988	976	DĐ 800563	1006	DĐ 970201	1036	DĐ 970816
917	DĐ 641588	947	DĐ 800003	977	DĐ 800566	1007	DĐ 970202	1037	DĐ 970861
918	DĐ 641590	948	DĐ 800010	978	DĐ 800569	1008	DĐ 970205	1038	DĐ 970863
919	DĐ 641604	949	DĐ 800015	979	DĐ 800651	1009	DĐ 970245	1039	DĐ 970865
920	DĐ 641613	950	DĐ 800024	980	DĐ 800662	1010	DĐ 970283	1040	DĐ 970867
921	DĐ 641616	951	DĐ 800034	981	DĐ 800692	1011	DĐ 970322	1041	DĐ 970874
922	DĐ 641670	952	DĐ 800068	982	DĐ 800770	1012	DĐ 970328	1042	DĐ 970875
923	DĐ 641672	953	DĐ 800078	983	DĐ 800826	1013	DĐ 970329	1043	DĐ 970909
924	DĐ 641680	954	DĐ 800104	984	DĐ 800827	1014	DĐ 970343	1044	DĐ 970911
925	DĐ 641716	955	DĐ 800118	985	DĐ 800838	1015	DĐ 970344	1045	DĐ 970942
926	DĐ 641722	956	DĐ 800126	986	DĐ 800901	1016	DĐ 970345	1046	DĐ 970985
927	DĐ 641725	957	DĐ 800148	987	DĐ 800906	1017	DĐ 970351	1047	DĐ 970998
928	DĐ 641726	958	DĐ 800191	988	DĐ 800907	1018	DĐ 970400	1048	DE 009028
929	DĐ 641735	959	DĐ 800192	989	DĐ 800922	1019	DĐ 970421	1049	DE 009058
930	DĐ 641784	960	DĐ 800209	990	DĐ 800933	1020	DĐ 970425	1050	DE 009059

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
1051	DE 009085	1081	DE 009643	1111	**DD 758153**	1141	DĐ 509568	1171	DĐ 509632
1052	DE 009115	1082	DE 009664	1112	DD 759120	1142	DĐ 509603	1172	DĐ 509633
1053	DE 009124	1083	DE 009669	1113	DD 759717	1143	DĐ 509604	1173	DĐ 509634
1054	DE 009125	1084	DE 009670	1114	DD 944131	1144	DĐ 509605	1174	DĐ 509635
1055	DE 009145	1085	DE 009692	1115	DD 944156	1145	DĐ 509606	1175	DĐ 509636
1056	DE 009154	1086	DE 009727	1116	DD 944218	1146	DĐ 509607	1176	DĐ 509637
1057	DE 009241	1087	DE 009751	1117	DD 944219	1147	DĐ 509608	1177	DĐ 509638
1058	DE 009322	1088	DE 009755	1118	DD 944273	1148	DĐ 509609	1178	DĐ 509639
1059	DE 009335	1089	DE 009805	1119	DD 944274	1149	DĐ 509610	1179	DĐ 509640
1060	DE 009366	1090	DE 009809	1120	DD 944280	1150	DĐ 509611	1180	DĐ 509641
1061	DE 009378	1091	DE 009817	1121	DD 949003	1151	DĐ 509612	1181	DĐ 509642
1062	DE 009404	1092	DE 009889	1122	DD 949065	1152	DĐ 509613	1182	DĐ 509643
1063	DE 009405	1093	DE 009890	1123	DD 949072	1153	DĐ 509614	1183	DĐ 509644
1064	DE 009407	1094	DE 009897	1124	DD 949076	1154	DĐ 509615	1184	DĐ 509645
1065	DE 009408	1095	DE 009898	1125	DD 949081	1155	DĐ 509616	1185	DĐ 509646
1066	DE 009442	1096	DE 009899	1126	DD 949093	1156	DĐ 509617	1186	DĐ 509647
1067	DE 009443	1097	DE 009905	1127	DD 949095	1157	DĐ 509618	1187	DĐ 509648
1068	DE 009444	1098	DE 009945	1128	DD 949099	1158	DĐ 509619	1188	DĐ 509649
1069	DE 009453	1099	DE 009952	1129	DD 949120	1159	DĐ 509620	1189	DĐ 509650
1070	DE 009454	1100	DE 009959	1130	DD 949129	1160	DĐ 509621	1190	DĐ 509651
1071	DE 009491	1101	DE 009984	1131	DD 949130	1161	DĐ 509622	1191	DĐ 509652
1072	DE 009547	1102	DE 724011	1132	DD 949136	1162	DĐ 509623	1192	DĐ 509653
1073	DE 009565	1103	DE 724037	1133	DD 949165	1163	DĐ 509624	1193	DĐ 509654
1074	DE 009570	1104	DE 724107	1134	DD 949278	1164	DĐ 509625	1194	DĐ 509655
1075	DE 009571	1105	DE 724133	1135	DD 949298	1165	DĐ 509626	1195	DĐ 509656
1076	DE 009572	1106	**DĐ 975099**	1136	DD 949487	1166	DĐ 509627	1196	DĐ 509657
1077	DE 009579	1107	DĐ 975108	1137	DD 949488	1167	DĐ 509628	1197	DĐ 509658
1078	DE 009640	1108	DĐ 975117	1138	DD 949494	1168	DĐ 509629	1198	DĐ 509659
1079	DE 009641	1109	DĐ 975118	1139	DĐ 509424	1169	DĐ 509630	1199	DĐ 509660
1080	DE 009642	1110	**CR 792506**	1140	DĐ 509547	1170	DĐ 509631	1200	DĐ 509661

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
1201	DĐ 509662	1231	DĐ 509834	1261	DĐ 539567	1291	CY 061804	1321	DD 956274
1202	DĐ 509663	1232	DĐ 509835	1262	DĐ 539568	1292	CY 061834	1322	DD 956370
1203	DĐ 509664	1233	DĐ 509842	1263	DĐ 539573	1293	CY 061897	1323	DD 956379
1204	DĐ 509665	1234	DĐ 509846	1264	DĐ 539574	1294	DA 648333	1324	DD 956381
1205	DĐ 509666	1235	DĐ 509847	1265	**DD 785915**	1295	**DD 787078**	1325	DD 956386
1206	DĐ 509671	1236	DĐ 509848	1266	DD 785916	1296	DD 787082	1326	DD 956387
1207	DĐ 509672	1237	DĐ 509853	1267	DD 785917	1297	DD 787259	1327	DD 956388
1208	DĐ 509673	1238	DĐ 509867	1268	DD 785918	1298	DD 787286	1328	DD 956389
1209	DĐ 509690	1239	DĐ 509886	1269	DD 785919	1299	DD 787362	1329	DD 956393
1210	DĐ 509695	1240	DĐ 509889	1270	DD 785920	1300	DD 787369	1330	DD 956397
1211	DĐ 509706	1241	DĐ 509894	1271	DD 785922	1301	DD 956010	1331	DD 956398
1212	DĐ 509722	1242	DĐ 509896	1272	DD 785935	1302	DD 956030	1332	DD 956469
1213	DĐ 509723	1243	DĐ 509897	1273	DD 785942	1303	DD 956033	1333	DD 956474
1214	DĐ 509724	1244	DĐ 509900	1274	DD 785943	1304	DD 956065	1334	DD 956495
1215	DĐ 509729	1245	DĐ 509924	1275	DD 797956	1305	DD 956072	1335	DD 956496
1216	DĐ 509730	1246	DĐ 509929	1276	DD 797966	1306	DD 956073	1336	DD 956498
1217	DĐ 509731	1247	DĐ 509930	1277	DD 797969	1307	DD 956075	1337	DD 956500
1218	DĐ 509732	1248	**DD 791999**	1278	**DA 661660**	1308	DD 956076	1338	DD 956591
1219	DĐ 509733	1249	DD 934545	1279	**DD 790954**	1309	DD 956077	1339	DD 956596
1220	DĐ 509734	1250	DĐ 051642	1280	DD 790955	1310	DD 956089	1340	DD 956600
1221	DĐ 509735	1251	DĐ 051662	1281	DĐ 003548	1311	DD 956098	1341	DD 956671
1222	DĐ 509736	1252	DĐ 051663	1282	DĐ 003601	1312	DD 956121	1342	DD 956672
1223	DĐ 509737	1253	DĐ 051726	1283	DĐ 003998	1313	DD 956122	1343	DD 956674
1224	DĐ 509738	1254	DĐ 179333	1284	DĐ 105314	1314	DD 956123	1344	DD 956732
1225	DĐ 509739	1255	DĐ 179999	1285	DĐ 105541	1315	DD 956129	1345	DD 956759
1226	DĐ 509740	1256	DĐ 538585	1286	DĐ 105733	1316	DD 956146	1346	DD 956766
1227	DĐ 509745	1257	DĐ 538586	1287	**CN 422890**	1317	DD 956147	1347	DD 956768
1228	DĐ 509750	1258	DĐ 538598	1288	CU 740170	1318	DD 956157	1348	DD 956782
1229	DĐ 509803	1259	DĐ 539365	1289	**CY 061353**	1319	DD 956160	1349	DD 956784
1230	DĐ 509816	1260	DĐ 539377	1290	CY 061394	1320	DD 956253	1350	DD 956809

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
1351	DD 956825	1381	DD 956996	1411	DĐ 139717	1441	DĐ 444106	1471	**DD 952701**
1352	DD 956834	1382	DD 957000	1412	DĐ 139718	1442	DĐ 444107	1472	DD 952703
1353	DD 956838	1383	**CV 960957**	1413	**CN 392776**	1443	DĐ 444112	1473	DD 952708
1354	DD 956840	1384	CY 026170	1414	**DD 781376**	1444	DĐ 444128	1474	DD 952713
1355	DD 956843	1385	CY 026187	1415	DD 781377	1445	DĐ 444140	1475	DD 952719
1356	DD 956844	1386	CY 026309	1416	DD 781392	1446	DĐ 444148	1476	DD 952727
1357	DD 956846	1387	CY 026535	1417	DD 781417	1447	DĐ 444166	1477	DD 952752
1358	DD 956863	1388	CY 026547	1418	DD 781431	1448	DĐ 444168	1478	DD 952753
1359	DD 956875	1389	**DĐ 139140**	1419	DD 781432	1449	DĐ 444169	1479	DD 952754
1360	DD 956876	1390	DĐ 139209	1420	DD 781433	1450	DĐ 444174	1480	DD 952755
1361	DD 956881	1391	DĐ 139218	1421	DD 781434	1451	DĐ 444226	1481	DD 952758
1362	DD 956882	1392	DĐ 139220	1422	DD 781441	1452	DĐ 444228	1482	DD 952759
1363	DD 956883	1393	DĐ 139298	1423	DD 781515	1453	DĐ 444268	1483	DD 952762
1364	DD 956887	1394	DĐ 139339	1424	**DĐ 444006**	1454	DĐ 444298	1484	DD 952831
1365	DD 956888	1395	DĐ 139451	1425	DĐ 444010	1455	DĐ 444370	1485	DD 952832
1366	DD 956893	1396	DĐ 139491	1426	DĐ 444011	1456	DĐ 444414	1486	DD 952833
1367	DD 956896	1397	DĐ 139501	1427	DĐ 444022	1457	DĐ 444466	1487	DD 952834
1368	DD 956897	1398	DĐ 139566	1428	DĐ 444026	1458	DĐ 444718	1488	DD 952837
1369	DD 956898	1399	DĐ 139614	1429	DĐ 444041	1459	**DD 788361**	1489	DD 952845
1370	DD 956899	1400	DĐ 139632	1430	DĐ 444052	1460	DD 788362	1490	DD 952847
1371	DD 956927	1401	DĐ 139651	1431	DĐ 444058	1461	**DA 642699**	1491	DD 952850
1372	DD 956930	1402	DĐ 139655	1432	DĐ 444070	1462	**DD 906175**	1492	DD 952871
1373	DD 956932	1403	DĐ 139664	1433	DĐ 444074	1463	DD 930432	1493	DD 952878
1374	DD 956968	1404	DĐ 139674	1434	DĐ 444075	1464	DD 930435	1494	DD 952880
1375	DD 956984	1405	DĐ 139689	1435	DĐ 444077	1465	DĐ 092649	1495	DD 952881
1376	DD 956985	1406	DĐ 139690	1436	DĐ 444079	1466	DĐ 092935	1496	DD 952884
1377	DD 956986	1407	DĐ 139692	1437	DĐ 444080	1467	DĐ 503569	1497	DD 952885
1378	DD 956987	1408	DĐ 139714	1438	DĐ 444089	1468	DĐ 541497	1498	DD 952886
1379	DD 956989	1409	DĐ 139715	1439	DĐ 444093	1469	**DA 686577**	1499	DD 952887
1380	DD 956995	1410	DĐ 139716	1440	DĐ 444105	1470	DA 686999	1500	DD 952888

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

1.519 phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hủy đợt 2 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri	STT	Số seri
1501	DD 952889	1506	**CY 086713**	1511	CY 029406	1516	CY 029439		
1502	DD 952960	1507	CY 086714	1512	CY 029410	1517	CY 029444		
1503	DD 952962	1508	CY 086715	1513	CY 029431	1518	**BK 271906**		
1504	DD 952969	1509	CY 086719	1514	CY 029432	1519	BK 271907		
1505	DD 952974	1510	**CY 029377**	1515	CY 029435				